



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
IE005 – Giới thiệu ngành Công nghệ Thông tin

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

Tên môn học (tiếng Việt):	Giới thiệu ngành Công nghệ Thông tin.
Tên môn học (tiếng Anh):	Introduction to Information Technology.
Mã môn học:	IE005
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương <input checked="" type="checkbox"/> ; Cơ sở nhóm ngành <input type="checkbox"/> ; Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> ; Chuyên ngành <input type="checkbox"/> ; Tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Khoa, Bộ môn phụ trách:	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin, bộ môn Thiết bị di động và Công nghệ Web
Giảng viên biên soạn:	TS. Nguyễn Gia Tuấn Anh CN. Lư Thanh Sơn Email: anhngt@uit.edu.vn sonlt@uit.edu.vn
Số tín chỉ:	
Lý thuyết:	1.....
Thực hành:	0.....
Tự học:	0.....
Môn học tiên quyết:	Không
Môn học trước:	Không.....

2. MÔ TẢ MÔN HỌC (Course description)

Môn học trình bày về sự cần thiết của ngành CNTT trong các doanh nghiệp, tổ chức; Phân biệt ngành CNTT và các chuyên ngành khác trong thực tiễn. Vị trí và cơ hội nghề nghiệp; Định hướng phát triển CNTT trong tương lai.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC (Course goals)

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có thể:

Ký hiệu	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra trong CTĐT
<i>G1</i>	Biết được các khái niệm trong ngành Công nghệ thông tin.	<i>LO 3</i>
<i>G2</i>	Hiểu được vai trò quan trọng của Công nghệ thông tin và ứng dụng trong đời sống thực tế.	<i>LO 6</i>
<i>G3</i>	Biết được chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin cũng như định hướng nghiên cứu của ngành, kỹ năng học tập và đạo đức nghề nghiệp của một cử nhân ngành Công nghệ thông tin.	<i>LO 6, LO 10</i>

4. CHUẨN ĐẦU RA MÔN HỌC (Course learning outcomes)

CĐRMH	Mô tả CĐRMH (Mục tiêu cụ thể)	Mức độ giảng dạy
<i>G1.1</i>	Biết được các khái niệm về Công nghệ thông tin: Phần cứng, phần mềm, dữ liệu, thông tin, tri thức.	<i>TU</i>
<i>G1.2</i>	Hiểu được sự khác nhau giữa: dữ liệu và thông tin, thông tin và tri thức, phần cứng và phần mềm.	<i>TU</i>
<i>G2.1</i>	Hiểu được vai trò của ngành công nghệ thông tin trong đời sống ở các lĩnh vực: quản lý, sản xuất và giải trí.	<i>IT</i>
<i>G3.1</i>	Biết được chương trình đào tạo tổng quan ngành Công nghệ thông tin.	<i>IT</i>
<i>G3.2</i>	Biết được thế nào là nghiên cứu khoa học.	<i>TU</i>
<i>G3.3</i>	Biết được một số hướng nghiên cứu chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin: phân tích dữ liệu, mạng xã hội.	<i>IT</i>
<i>G3.4</i>	Hiểu và vận dụng các kỹ năng học tập và nghiên cứu trong ngành Công nghệ thông tin.	<i>TU</i>
<i>G3.5</i>	Biết được vị trí và vai trò của cử nhân sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin, các hành vi xấu cần tránh, vấn đề bản quyền phần mềm và đạo văn.	<i>IT</i>

5. NỘI DUNG MÔN HỌC, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Course content, lesson plan)

a. Lý thuyết

Buổi học (15 tiết)	Nội dung	CĐRMH	Hoạt động dạy và học	Thành phần đánh giá
--------------------	----------	-------	----------------------	---------------------

<p>Buổi 1 (3 tiết)</p>	<p>Giới thiệu về Ngành Công nghệ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm Công nghệ thông tin. - Thông tin, dữ liệu và tri thức. - Lịch sử ngành Công nghệ thông tin. - Vai trò của Công nghệ thông tin trong đời sống. <p>Giới thiệu về Khoa và Trường đào tạo ngành Công nghệ thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về trường: tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý giáo dục. - Các ngành đào tạo và Khoa cơ hữu của trường. - Giới thiệu thông tin về Khoa, giảng viên ở Khoa, các bộ môn ở Khoa. - Các phòng thí nghiệm của trường. - Cơ hội việc làm và hợp tác quốc tế tại Khoa. 	<p><i>G1.1</i> <i>G1.2</i> <i>G2.1</i></p>	<p>Dạy: Giảng viên giới thiệu về Khoa, trường, và đặt câu hỏi cho sinh viên. Học ở lớp: Sinh viên nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p>	<p><i>A1,A4</i></p>
<p>Buổi 2 (3 tiết)</p>	<p>Giới thiệu về ngành Công nghệ Thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo tổng quan. - Các khối môn học và kiến thức. - Chuẩn đầu ra. - Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. 	<p><i>G3.1</i> <i>G2.1</i> <i>G3.5</i></p>	<p>Dạy: Giảng viên giới thiệu chương trình đào tạo ngành CNTT. Học ở lớp: Sinh viên nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p>	<p><i>A1,A4</i></p>
<p>Buổi 3 (3 tiết)</p>	<p>Giới thiệu về hướng nghiên cứu khoa học trong ngành Công nghệ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về NCKH. - Mục tiêu của NCKH. - Các hướng nghiên cứu của ngành CNTT. - Giới thiệu về công bố khoa học và các chính sách hỗ trợ công bố khoa học tại Khoa và trường. 	<p><i>G3.2</i> <i>G3.3</i> <i>G3.4</i></p>	<p>Dạy: Giảng viên giới thiệu về các hướng nghiên cứu hiện tại của ngành CNTT và đặt ra các bài tập tình huống. Học ở lớp: Sinh viên lập nhóm và trả lời câu hỏi của giảng viên tại lớp. Học ở nhà: Sinh viên tìm hiểu thêm các hướng nghiên cứu khác trong ngành CNTT.</p>	<p><i>A1,A4</i></p>
<p>Buổi 4 (3 tiết)</p>	<p>Đạo đức nghề nghiệp trong ngành Công nghệ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức của một người Kỹ sư/Cử nhân. 	<p><i>G3.5</i></p>	<p>Dạy: Giảng viên giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp và các kiến thức</p>	<p><i>A1</i></p>

	- Nhiệm vụ của Kỹ sư/Cử nhân đối với xã hội. - Vấn đề bản quyền phần mềm. - Vấn đề đạo văn và các công cụ kiểm tra đạo văn cho tiếng Việt.		về bản quyền phần mềm và đạo văn. Học ở lớp: Sinh viên nghe giảng, đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi của giảng viên.	
Buổi 5 (3 tiết)	Kỹ năng và cách học khi học bậc đại học ngành Công nghệ Thông tin - Kỹ năng tự học. - Kỹ năng nghiên cứu. - Kỹ năng ngoại ngữ. - Các kỹ năng khác.	<i>G3.4</i>	Dạy: Giảng viên đưa ra bài tập tình huống. Học ở lớp: Sinh viên làm bài tập và báo cáo tại lớp.	<i>A1, A4</i>

b. Thực hành

Không có

6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Thành phần đánh giá	CĐRMH	Tỷ lệ (%)
A1. Quá trình (Kiểm tra trên lớp, bài tập, ...)	<i>G1, G2</i>	30%
A2. Giữa kỳ		0%
A3. Thực hành		0%
A4. Đồ án	<i>G2, G3</i>	70%

a. Rubric của thành phần đánh giá A1

Đánh giá quá trình học tập tại lớp	Giỏi (9-10đ)	Khá (7-8đ)	TB (6-7đ)	Yếu (4-5đ)	Kém (<3đ)
Mức độ chuyên cần	Tham gia đặt câu hỏi, và trả lời câu hỏi trên lớp. Hoàn thành 100% bài tập về nhà.	Tham gia trả lời câu hỏi tại lớp và hoàn thành 100% bài tập về nhà.	Hoàn thành 70% các bài tập về nhà.	Hoàn thành 40% các bài tập về nhà.	Không tham gia vào bất cứ hoạt động nào tại lớp.

b. Rubric của thành phần đánh giá A2

Không có

c. Rubric của thành phần đánh giá A3

Không có

d. Rubric của thành phần đánh giá A4

<i>Báo cáo cuối kỳ</i>	<i>Giỏi (9-10đ)</i>	<i>Khá (7-8đ)</i>	<i>TB (6-7đ)</i>	<i>Yếu (4-5đ)</i>	<i>Kém (<3đ)</i>
<i>Nội dung báo cáo</i>	<i>Trình bày rõ ràng, đầy đủ nội dung. Có minh họa và trực quan sinh động. Trùng lặp dưới 10% nội dung</i>	<i>Trình bày rõ ràng súc tích, đầy đủ nội dung. Trùng lặp dưới 20% nội dung</i>	<i>Trình bày tương đối đầy đủ nội dung. Trùng lặp dưới 25% nội dung.</i>	<i>Trình bày sơ sài. Nội dung không đầy đủ. Trùng lặp trên 25% nội dung</i>	<i>Không nộp báo cáo, hoặc báo cáo trình bày sai định dạng, sơ sài, không đúng theo chủ đề. Sao chép nội dung từ các nguồn khác, tỉ lệ trùng lặp trên 30%.</i>

7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC (Course requirements and expectations)

- Sinh viên đến lớp học theo quy định chung của nhà trường.
- Sinh viên làm bài tập trên lớp và về nhà đầy đủ.

8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO**Tài liệu tham khảo**

1. Sổ tay sinh viên (Khoá 2019).
2. W.Booth, G. Colomb và J. Williams, The Craft of Research (3rd edition), Chicago Press.
3. Website trường: <https://uit.edu.vn>
4. Website Khoa KH&KTTT: <https://fit.uit.edu.vn>

9. PHẦN MỀM HAY CÔNG CỤ HỖ TRỢ THỰC HÀNH

Không có

Tp.HCM, ngày 21 tháng 09 năm 2021.

Trưởng khoa/bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)